TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/KDTM-ST
Ngày: 19/12/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thảo

2. Ông Đặng Hiếu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại cơ sở 2 Toà án nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 23/2025/TLST- KDTM ngày 25 tháng 06 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 414/2025/QĐXXST-KDTM ngày 14/10/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 343/2025/QĐST- KDTM ngày 21/11/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B (gọi tắt: B); địa chỉ trụ sở chính: 89 đường L, phường Đ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông T T L; địa chỉ liên hệ: Tầng 1, Số 96 C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 802/2025/UQN-TP ngày 08/5/2025) (có mặt)

- *Bị đơn:* Công ty TNHH H (gọi tắt: Công ty H); địa chỉ: 110/26 đường O, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà T T T; địa chỉ liên hệ: ấp P1, xã P, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2025, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP B (B) ông T T L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 27/7/2023, Công ty TNHH H đã vay vốn Bbank theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 270723-12264223-AUTO-1/HD, số tiền cho vay: 540.000.000 đồng (bằng chữ: Năm trăm bốn mươi triệu đồng). Thời hạn hạn mức: 60 tháng; Mục đích: Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 553/2023/HDMB-KIA/THTC-CTHH. Bbank chấp thuận giải ngân theo Khế ước nhận nợ số: 270723-12264223-AUTO-1 ngày 27/07/2023. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9.5 %/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của Bbank từng thời kỳ.

Theo đó, để đảm bảo cho các khoản lãi trên, các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau: Tài sản: Xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại SELTOS, màu sơn Đỏ; Số máy: G4LDND201898; Số khung: RNYEF51D7PC302716; Biển kiểm soát: 51K-776.58 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50264975 do Công an Thanh phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/07/2023. Việc thế chấp và nhận thế chấp được thực hiện đúng theo quy định tại Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 270723-12264223-AUTO-1/HĐ ngày 27/07/2023 và đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn. Bbank đã nhiều lần liên hệ làm việc với Công ty H để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ và bàn giao tài sản bảo đảm nhưng Công ty H cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngày 31/01/2025, Bbank đã gửi thông báo về việc chấm dứt cho vay, chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn cho Công ty H. Khoản nợ của Công ty H chuyển quá hạn từ ngày 15/08/2024 và phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định.

Tạm tính đến ngày 19/12/2025, Công ty H đã thanh toán cho Bbank tổng cộng: 247.467.993 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngày chín trăm chín mươi ba đồng), bao gồm: Nợ gốc: 171.000.026 đồng; Nợ Lãi: 76.467.967 đồng và còn nợ Bbank tổng số tiền: 453.415.913 đồng (Bốn trăm năm mươi ba triệu bốn trăm mười lăm ngàn chín trăm mười ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 368.999.974 đồng; Lãi phải trả: 82.280.675 đồng; Lãi chậm trả: 2.135.264 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với Ngân hàng của Công ty H đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Bbank đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu đối với bị đơn:

- Buộc Công ty TNHH H phải trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến hết ngày 19/12/2025**:** 453.415.913 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi ba

triệu bốn trăm mười lăm ngàn chín trăm mười ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 368.999.974 đồng; Lãi phải trả: 82.280.675 đồng; Lãi chậm trả: 2.135.264 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 20/12/2025, Công ty H vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Bbank.

Trường hợp Công ty H không thanh toán được nợ thì đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Bbank, chi tiết tài sản thế chấp như sau: Xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại SELTOS, màu sơn Đỏ; Số máy: G4LDND201898; Số khung: RNYEF51D7PC302716; Biển kiểm soát: 51K-776.58 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50264975 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/07/2023.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ thì Công ty H vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi khoản vay được tất toán toàn bộ.

*Tại phiên tòa

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông T T L xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3-Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2025 đối với tài sản thế chấp là Xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại SELTOS, màu sơn Đỏ; Số máy: G4LDND201898; Số khung: RNYEF51D7PC302716; Biển kiểm soát: 51K-776.58 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50264975 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/07/2023 tại địa chỉ 110/26 đường O, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, Tòa án và các cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố Hồ Chí Minh xác định Công ty TNHH H không còn hoạt động tại địa chỉ trên. Xe ô tô KIA, biển kiểm soát 51K -776.I8 không có tại địa chỉ trên nên không tiến hành thẩm định được.

* *Đối với bị đơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH H là Bà T T T không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bà ý kiến của mình đối với yêu cầu của Bbank.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, cần khắc phục một số thiếu sót về thời hạn tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bbank về việc buộc Công ty

TNHH H phải trả cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ số tiền theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 270723-12264223-AUTO-1/HĐ, tổng số tiền tính đến hết ngày 19/12/2025: 453.415.913 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi ba triệu bốn trăm mười lăm ngàn chín trăm mười ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 368.999.974 đồng; Lãi phải trả: 82.280.675 đồng; Lãi chậm trả: 2.135.264 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 20/12/2025, Công ty TNHH H vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Bbank.

Trường hợp Công ty TNHH H không thanh toán được nợ thì đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Bbank, chi tiết tài sản thế chấp như sau: Xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại SELTOS, màu sơn Đỏ; Số máy: G4LDND201898; Số khung: RNYEF51D7PC302716; Biển kiểm soát: 51K-776.58 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50264975 do Công an Thanh phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/07/2023.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nợ thì Công ty H vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi khoản vay được tất toán toàn bộ.

Chi phí thẩm định bị đơn chịu.

Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 270723-12264223-AUTO-1/HĐ ngày 27/07/2023 giữa Bbank và Công ty TNHH H; theo đó Công ty H đã vay Bbank số tiền 540.000.000 (Năm trăm bốn mươi triệu đồng). Thời hạn hạn mức: 60 tháng; Mục đích: Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại. Các bên ký kết và thực hiện hợp đồng nhằm mục đích lợi nhuận. Căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Công ty TNHH H có trụ sở tại địa chỉ 110/26 đường O, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3- Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi trụ sở của bị đơn và nơi cư trú người đại diện pháp luật của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng. *Theo kết quả xác minh của Công an phường C, Quận D (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 27/6/2025 thì Công ty TNHH H không còn hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa chỉ 110/26 đường O, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 3/2024 đến nay, không biết rõ chuyển đi đâu. Theo kết quả xác minh của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31/7/2025 thì Công ty TNHH H chưa đăng ký giải thể, địa chỉ trụ sở chính tại 110/26 đường O, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh do Bà T T T, sinh năm 1956 có địa chỉ thường trú và tạm trú tại ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp P1, xã P, tỉnh Đồng Nai) là người đại diện theo pháp luật. Theo kết quả xác minh của Công an xã P, tỉnh Đồng Nai ngày 11/8/2025 thì tại thời điểm xác minh Bà T T T có đăng ký thường trú tại ấp P1, xã P, tỉnh Đồng Nai nhưng không có mặt tại địa phương, không rõ nơi ở cụ thể.* Hiện nay, Người đại diện theo pháp luật của bị đơn không có mặt tại nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về, mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú, nơi làm việc mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung là đảm bảo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho bị đơn tại trụ sở chính và cho người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Bà T T T nhưng tại ngày mở phiên tòa ngày 21/11/2025 đương sự vắng mặt, không rõ lý do. Tòa án tiếp tục tống đạt quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa hợp lệ cho đương sự ngày hôm nay đương sự vẫn vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về việc xem xét chứng cứ:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố các tài liệu, chứng cứ của vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 254 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, phiên hòa giải cũng như không có văn bản phản hồi đối nội dung và tính pháp lý của tài liệu là chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Khoản khoản 2 Điều 92, Điều 93, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là chứng cứ của vụ án, Hội đồng xét xử sử dụng các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

4.1. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi:

Xét Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 270723-12264223-AUTO-1/HD ngày 27/7/2023 và Phụ lục số 01/PL (sửa đổi, bổ sung khế ước nhận nợ số 270723-12264223-AUTO-1 ngày 27/7/2023) được ký kết giữa hai bên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa Bbank và Công ty H có giao dịch hợp đồng tín dụng, Bbank đã giải ngân cho Công ty H vay để Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9.5 %/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của Bbank từng thời kỳ.

Tuy nhiên, sau đó bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Ngày 31/01/2025, Bbank đã gửi thông báo về việc chấm dứt cho vay, chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn cho Công ty H nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 19/12/2025**:** 453.415.913 đồng (Bốn trăm năm mươi ba triệu bốn trăm mười lăm ngàn chín trăm mười ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 368.999.974 đồng; Lãi phải trả: 82.280.675 đồng; Lãi chậm trả: 2.135.264 đồng.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ Luật Dân sự 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn".*

Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*".

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".*

Tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này.*".

Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 270723-12264223-AUTO-1/HD ngày 27/7/2023 và Phụ lục số 01/PL (sửa đổi, bổ sung khế ước nhận nợ số 270723-12264223-AUTO-1 ngày 27/7/2023) giữa Bbank và Công ty TNHH H được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Nguyên đơn đã giải ngân đầy đủ số tiền vay gốc cho bị đơn. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng tín dụng, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Công ty TNHH H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Bbank với số tiền còn nợ tính đến ngày 19/12/2025**:** 453.415.913 đồng (Bốn trăm năm mươi ba triệu bốn trăm mười lăm ngàn chín trăm mười ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 368.999.974

đồng; Lãi phải trả: 82.280.675 đồng; Lãi chậm trả: 2.135.264 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 20/12/2025, Công ty TNHH H vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Bbank.

[4.2] Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay trên, Tại Điều 3 của hợp đồng thế chấp ô tô số: 270723-12264223-AUTO-1/HĐ ngày 27/07/2023, các bên đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau: Tài sản: Xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại SELTOS, màu sơn Đỏ; Số máy: G4LDND201898; Số khung: RNYEF51D7PC302716; Biển kiểm soát: 51K-776.58 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50264975 do Công an Thanh phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/07/2023. Tại thời điểm thực hiện hợp đồng, việc ký kết hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 299, Điều 317, Điều 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có thông tin hay khiếu nại về việc tài sản đã chuyển giao cho người thứ ba; việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật, vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không trả nợ.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành dân sự có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Số tiền phát mãi tài sản sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc phát mãi sẽ được thanh toán và chi trả theo quy định của pháp luật. Nếu sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng mà số tiền phát mãi đối với tài sản thế chấp còn dư thì sẽ được trả lại cho chủ sở hữu của tài sản thế chấp. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ để trả nợ thì Công ty H phải tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền nợ còn lại.

Trong trường hợp Công ty H thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng mà không phải phát mãi tài sản đã thế chấp để trả nợ thì Ngân hàng TMCP B có nghĩa vụ thực hiện xóa thế chấp cho Công ty H.

[5] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Công ty TNHH H phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về xem xét nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã đóng tạm ứng án phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng

xét xử giải quyết buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị về nội dung và kiến nghị về tố tụng là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án Dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2018;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

Buộc Công ty TNHH H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền còn nợ tính đến ngày 19/12/2025**:** 453.415.913 đồng (Bốn trăm năm mươi ba triệu bốn trăm mười lăm ngàn chín trăm mười ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 368.999.974 đồng; Lãi phải trả: 82.280.675 đồng; Lãi chậm trả: 2.135.264 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, kể từ ngày 20/12/2025, Công ty TNHH H vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn và lãi chậm trả theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Bbank.

Trong trường hợp Công ty TNHH H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại SELTOS, màu sơn Đỏ; Số máy: G4LDND201898; Số khung: RNYEF51D7PC302716; Biển kiểm soát: 51K-776.58 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50264975 do Công an Thanh phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/07/2023

Số tiền phát mãi tài sản sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc phát mãi sẽ được thanh toán và chi trả theo quy định của pháp luật. Nếu sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng mà số tiền phát mãi đối với tài sản thế chấp còn dư thì sẽ được trả lại cho chủ sở hữu của tài sản thế chấp. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ để trả nợ thì Công ty TNHH H phải tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền nợ còn lại.

Trong trường hợp Công ty TNHH H thanh toán xong số nợ cho Ngân hàng TMCP B mà không phải phát mãi tài sản đã thế chấp để trả nợ thì Ngân hàng TMCP B có nghĩa vụ thực hiện xóa thế chấp và trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50264975 do Công an Thanh phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/07/2023 cho Công ty TNHH H.

2. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH H phải chịu án phí là 22.136.637 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng).

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.402.478 đồng (Mười triệu bốn trăm lẻ hai bốn trăm bảy mươi tám đồng) cho Ngân hàng TMCP B theo biên lai thu số 0050852 ngày 19/6/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về chi phí tố tụng khác: Buộc Công ty TNHH H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do Ngân hàng TMCP B đã thanh toán trước số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền kháng nghị:

Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 3 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân